

Số: 20 /KH-KHCN

Bắc Giang, ngày 02 tháng 03 năm 2015

## KẾ HOẠCH

### **Kiểm tra, đánh giá công nghệ lò đốt rác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

#### **1. Mục đích, yêu cầu**

Đánh giá công nghệ một số loại lò đốt rác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nhằm chỉ rõ khả năng xử lý; các ưu, nhược điểm của từng loại lò hiện có để hoàn thiện bộ cơ sở dữ liệu và có những khuyến cáo cho việc đầu tư lò đốt rác an toàn, đáp ứng được mục tiêu bảo vệ môi trường tại các địa phương của tỉnh;

**2. Thời gian kiểm tra:** Trong tháng 3 đến tháng 6 năm 2015.

#### **3. Đối tượng kiểm tra, đánh giá**

Kiểm tra đánh các loại lò đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, mỗi loại kiểm tra, đánh tại 01 địa điểm, cụ thể:

- Lò đốt rác NFI 05 ( do Công ty CP và phát triển đầu tư Đồng xanh cung cấp): tại địa điểm ở Tân Yên;
- Lò của trường Đại học Bách khoa: tại địa điểm ở Hiệp Hòa;
- Lò của TT ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ Bắc Giang: tại địa điểm ở Lạng Giang;
- Lò do Thường trực BCĐ XDNTM của tỉnh cung cấp Tại Yên Dũng;

#### **4. Nội dung kiểm tra, đánh giá**

- Đánh giá trên hồ sơ và thực tế về nguyên lý hoạt động, cấu trúc và quy trình vận hành công nghệ lò đốt rác.

- Kiểm tra thực tế quá trình vận hành, xử lý tại khu vực đặt lò đốt rác (các loại chất thải sau khi đốt: khí thải, nước thải,...);

- Quan trắc khí thải: Lấy mẫu quan trắc tại 4 vị trí:

+ Không khí khu vực làm việc quan trắc 10 chỉ tiêu, gồm: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, bụi lơ lửng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, H<sub>2</sub>S, NO<sub>3</sub>.

+ Không khí xung quanh: 02 vị trí (cách 50m trước và sau hướng gió); quan trắc 11 chỉ tiêu, gồm: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, bụi lơ lửng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, H<sub>2</sub>S, NO<sub>3</sub>, O<sub>3</sub>.

+ Khí thải công nghiệp: tại ống khói (trước khi thải ra môi trường); Quan trắc 10 chỉ tiêu, gồm: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, bụi lơ lửng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, H<sub>2</sub>S, NO<sub>3</sub>.

- Tất cả các nội dung đánh giá được đối chiếu với Quy chuẩn QCVN-30:2010/BTNMT và các quy định của pháp luật hiện hành;

## 5. Tổ chức kiểm tra, đánh giá

Thành lập đoàn kiểm tra, bao gồm đại diện các sở Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Tài nguyên môi trường và Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì.

## 6. Kinh phí:

Dự toán kinh phí:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Không khí làm việc	mẫu	04	2.295.000	9.180.000
2	Không khí xung quanh	mẫu	08	3.856.410	15.425.640
3	Khí thải công nghiệp	mẫu	04	2.295.000	9.180.000
4	Họp Hội đồng, xăng xe				12.000.000
5	Chi khác: VPP, phô tô tài liệu...				2.000.000
	<b>Tổng kinh phí</b>				<b>47.785.640</b>

Tổng kinh phí bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi năm ngàn sáu trăm bốn mươi đồng.

Kinh phí Lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2015.

## 7. Tổ chức thực hiện

Phòng Quản lý Công nghệ tham mưu tổ chức và chuẩn bị các điều kiện thực hiện./.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Lưu: VT, QLCN.

**Bản điện tử:**

- LD Sở;
- UBND các huyện: Yên dũng, Việt Yên, Tân Yên, Hiệp Hòa, Lục Nam(p/h);
- QLCN;
- TT TH và TT KHCN (đưa tin).



**Nguyễn Đức Kiên**